

Số: 158/2025/QĐST-HNGĐ

Hưng Yên, ngày 22 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 110/2025/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2025, giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Phương Th, sinh năm 1989

Bị đơn: Anh Phạm Văn Q, sinh năm 1983

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Cháu Phạm Khánh V, sinh ngày 17/8/2017

- Cháu Phạm Minh H, sinh ngày 01/7/2021

- Cháu Phạm Ngọc Minh K, sinh ngày 27/9/2023

Người đại diện hợp pháp cho các cháu V, H và K là anh Phạm Văn Q và chị Nguyễn Phương Th - bố, mẹ đẻ

- Anh Phạm Văn H, sinh năm 1973

- Anh Phạm Văn T, sinh năm 1981

- Chị Phạm Thị Kh, sinh năm 1976 (vợ anh M)

Đều có địa chỉ: Thôn MX, xã NT, tỉnh Hưng Yên

- Anh Nghiêm Xuân Ch, sinh năm 1966; Địa chỉ: Thôn MX, xã NT, tỉnh Hưng Yên

- Bà Phạm Thị C, sinh năm 1962; Địa chỉ: Thôn ANL, xã NT, tỉnh Hưng Yên

- Chi Hội phụ nữ Thôn MX, xã NT, tỉnh Hưng Yên; Người đại diện hợp pháp:

Bà Lê Thị B – Chi hội trưởng Chi hội phụ nữ thôn MX

Căn cứ vào Điều 212 và 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 55, 57, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a, d Khoản 5, Điểm b Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 12 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 12 tháng 12 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Phương Th và anh Phạm Văn Q.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Phương Th và anh Phạm Văn Q thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Anh chị có 03 con chung là các cháu Phạm Khánh V, sinh ngày 17/8/2017, Phạm Minh H, sinh ngày 01/7/2021 và Phạm Ngọc Minh K, sinh ngày 27/9/2023. Ly hôn anh chị thống nhất thoả thuận chị Th được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả 03 cháu V, H, K cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, thành niên. Anh Q tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung với chị Th đối với cháu Phạm Minh H và cháu Phạm Ngọc Minh K mỗi tháng là 2.250.000 đồng/tháng/cháu (hai cháu là 4.500.000 đồng/tháng) cho đến khi cháu H, cháu K đủ 18 tuổi. Anh Q được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

2.3. Về tài sản chung, công sức, công nợ: Theo văn bản thoả thuận về việc phân chia tài sản, nợ chung của vợ chồng và đề nghị Tòa án ghi nhận sự thoả thuận của các đương sự trước khi tiến hành hòa giải vụ án ngày 08/12/2025, chị Nguyễn Phương Th và anh Phạm Văn Q thống nhất như sau:

- Về nhà đất: Anh Phạm Văn Q và chị Nguyễn Phương Th đồng ý để lại tài sản chung là thửa đất số 197, tờ bản đồ số 23, diện tích 99 m², địa chỉ tại thôn MX, xã NT, tỉnh Hưng Yên và tài sản trên đất là ngôi nhà 03 tầng (đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) cho 03 con của anh chị là cháu Phạm Khánh V, sinh ngày 17/8/2017, Phạm Minh H, sinh ngày 01/7/2021 và Phạm Ngọc Minh K, sinh ngày 27/9/2023 được quyền sử dụng đất và sở hữu ngôi nhà gắn liền với đất. Anh Q và chị Th có quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật. Chị Nguyễn Phương Th cùng 03 cháu V, H, K được trực tiếp ở tại nhà đất nói trên kể từ ngày 01/01/2026, Anh Q không được ở trên nhà đất.

- Về tài sản khác: Chị Nguyễn Phương Th đồng ý giao tài sản chung là 01 xe ô tô 09 chỗ ngồi hiệu Hyundai, biển kiểm soát 30F-474.40 mua của ông Nguyễn Văn H năm 2020 theo Giấy bán, cho, tặng xe được UBND xã Hợp Thanh, huyện Mỹ Đức, Hà Nội chứng nhận ngày 08/02/2020 cho anh Phạm Văn Q được toàn quyền quản lý, sử dụng, sở hữu, định đoạt.

- Về nợ chung: Chị Nguyễn Phương Th tự nguyện nhận trách nhiệm trả toàn bộ số nợ gốc chung của vợ chồng là 740.000.000 đồng và tiền lãi (nếu có) gồm các khoản nợ sau: Anh Phạm Văn T, sinh năm 1981; Địa chỉ: Thôn MX, xã NT, tỉnh Hưng Yên số tiền 130.000.000 đồng; Anh Nghiêm Xuân Ch, sinh năm 1966; Địa chỉ: Thôn MX, xã NT, tỉnh Hưng Yên số tiền 60.000.000 đồng; chị Phạm Thị Kh,

sinh năm 1976 (vợ anh M); Địa chỉ: Thôn MX, xã NT, tỉnh Hưng Yên số tiền 70.000.000 đồng; anh Phạm Văn H, sinh năm 1973; Địa chỉ: Thôn MX, xã NT, tỉnh Hưng Yên với số tiền 150.000.000 đồng; bà Phạm Thị C, sinh năm 1962; Địa chỉ: Thôn ANL, xã NT, tỉnh Hưng Yên số tiền 280.000.000 đồng; Chi Hội phụ nữ thôn MX, xã NT số tiền 50.000.000 đồng.

2.3. Về án phí: Chị Nguyễn Phương Th tự nguyện chịu toàn bộ 150.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn và 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 35.850.000 đồng theo biên lai số 0001710 ngày 03 tháng 10 năm 2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 – Hưng Yên. Hoàn trả chị Nguyễn Phương Th số tiền 35.550.000 đồng.

Đối với án phí chia tài sản chung, công nợ của vợ chồng do chị Nguyễn Phương Th và anh Phạm Văn Q yêu cầu Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận phân chia tài sản, nợ chung giữa vợ chồng trước khi Tòa án hòa giải nên chị Th và Anh Q không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản chung nêu trên.

Trường hợp chị Nguyễn Phương Th có đơn yêu cầu thi hành án hợp lệ đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con; người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án hợp lệ đối với khoản tiền được thi hành nếu anh Phạm Văn Q, chị Nguyễn Phương Th không thi hành thì còn phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành theo qui định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự
- VKSND khu vực 1 – Hưng Yên
- Phòng THADS khu vực 1 – Hưng Yên
- UBND xã NT, tỉnh Hưng Yên
- (GCNKH số 49 ngày 06/10/2013)
- Phòng KTNV Tòa án tỉnh
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Đoàn Mạnh Quang